

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế
trên địa bàn tỉnh đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030, Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai có hiệu quả nội dung Quyết định số 291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1069/QĐ-BYT của Bộ Y tế và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.

2. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 để duy trì mức sinh của tỉnh ở mức hợp lý, góp phần bảo đảm quy mô dân số phù hợp, nâng cao chất lượng dân số và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới.

3. Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả trong triển khai thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì mức sinh hợp lý trên địa bàn tỉnh; từng bước giảm sinh tại các địa bàn có mức sinh cao, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nhóm dân cư; góp phần bảo đảm quy mô, cơ cấu dân số hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững của tỉnh; đồng thời góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu giảm tổng tỷ suất sinh của tỉnh về mức phù hợp, đưa mức sinh từ mức cao về đạt mức sinh thay thế (khoảng 2,1 con/phụ nữ) vào năm 2030; thu hẹp chênh lệch mức sinh giữa các địa bàn, nhóm dân cư; góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm mức sinh thay thế trên phạm vi cả nước.

- Trên 95% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- 100% Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con phù hợp theo tình hình thực tế tại địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyên hướng trọng tâm chính sách dân số sang dân số và phát triển, điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Trên cơ sở thực trạng và xu hướng mức sinh của địa phương, các xã, phường xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể hướng tới mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện Chương trình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, khu vực.

- Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Ban hành quy định gắn kết quả thực hiện các mục tiêu về mức sinh được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là những người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao

sức khỏe nhân dân; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 18/11/2025 Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/09/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”; Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 08/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số.

- Phát triển các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng khác nhau; Tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, không sinh quá nhiều con; thực hiện sinh con có kế hoạch, khoảng cách sinh hợp lý; góp phần đưa mức sinh của tỉnh đạt và duy trì mức sinh thay thế. Tập trung truyền thông, vận động giảm sinh tại các xã, phường có mức sinh cao; duy trì mức sinh thay thế tại các địa bàn đã đạt mức sinh thay thế; thu hẹp chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nhóm dân cư trong tỉnh.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Ưu tiên triển khai các hoạt động truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình, thôn, bản, tổ dân phố; tăng cường truyền thông bằng tiếng dân tộc, phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản trong tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đúng chính sách, chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số, nhất là tại các xã vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

- Tổ chức triển khai Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số.

- Rà soát, cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; đồng thời nghiên cứu các chính sách phù hợp để điều chỉnh mức sinh theo đặc điểm từng địa bàn, hướng tới đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn chính quyền địa phương cấp xã chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất triển khai chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng trên địa bàn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức rà soát, tham mưu cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con nhằm đạt mục tiêu giảm mức sinh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

- Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình và mục tiêu đạt mức sinh thay thế của địa phương.

- Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

- Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới: tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, can thiệp và giảm thiểu các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng dân số.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

5.1. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Đưa nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Tăng cường tập huấn, tập huấn lại cho đội ngũ cộng tác viên dân số giúp đội ngũ cộng tác viên cập nhật kiến thức mới, thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động người dân sinh con có kế hoạch, không sinh quá nhiều con, thực hiện khoảng cách sinh hợp lý nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên và cán bộ đoàn thể: Tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ đoàn, đội trong trường học về dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên - thanh niên và kỹ năng truyền thông, tư vấn cho học sinh.

Bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho học sinh liên quan đến các vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản.

5.2. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, kịp thời đề xuất điều chỉnh giải pháp phù hợp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán hằng năm của các sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển tỉnh

- Chỉ đạo, điều phối, đôn đốc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo đảm mức sinh thay thế với các chương trình, kế hoạch về dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện, chỉ đạo giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tham mưu Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển tỉnh trong theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng, thực hiện hướng dẫn triển khai các nội dung kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác dân số các cấp, đáp ứng yêu cầu nhân lực thực hiện nhiệm vụ dân số và phát triển.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành rà soát tham mưu điều chỉnh bổ sung các chủ trương, cơ chế, chính sách, các giải pháp điều chỉnh mức sinh phù hợp với đặc điểm của tỉnh; đưa tổng tỷ suất sinh từ mức cao về đạt mức sinh thay thế và duy trì bền vững mức sinh thay thế.

3. Sở Tài chính

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có) tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được

giao trên cơ sở đề nghị của các cơ quan đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác dân số phù hợp chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương hai cấp.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai hiệu quả các chính sách về lao động, việc làm đối với người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu kinh tế; góp phần bảo đảm việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện điều kiện sống và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, qua đó hỗ trợ thực hiện các mục tiêu về dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính, kỹ năng sống vào các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học; tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông dưới nhiều hình thức như: hội thi, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động câu lạc bộ... nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho học sinh; Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ đoàn, đội về kiến thức và kỹ năng truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản vị thành niên; đồng thời tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong triển khai thực hiện.

6. Sở Tư pháp

Phối hợp phổ biến các quy định của pháp luật về hôn nhân, gia đình, trẻ em, bình đẳng giới; lồng ghép tuyên truyền hệ lụy pháp lý của việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống (đặc biệt tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh) nhằm nâng cao chất lượng dân số.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số và giảm mức sinh tại các địa bàn có mức sinh cao, chú trọng các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Lồng ghép các nội dung về dân số và phát triển, bảo đảm mức sinh thay thế vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi; triển khai các hoạt động giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống theo nhiệm vụ được giao.

8. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, nghiên cứu tham mưu lồng ghép nhu cầu nhà ở của các đối tượng là cặp vợ chồng trẻ trong quá trình triển khai Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu về nhà ở của các cặp vợ chồng trẻ phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định pháp luật.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tham mưu và tổ chức các Chương trình, Đề án, Dự án về lĩnh vực gia đình; hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về duy trì mức sinh thay thế, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao gắn với tuyên truyền chính sách dân số; phát huy vai trò của gia đình trong sinh con và nuôi dạy con tốt; tổ chức các hoạt động biểu dương các gia đình sinh đủ 2 con nuôi dạy con tốt.

- Lồng ghép tuyên truyền xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện nếp sống văn minh, giảm tảo hôn, kết hôn cận huyết thống và sinh nhiều con tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

- Tăng cường thời lượng tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Dân số trong tình hình mới nói chung và kế hoạch thực hiện Chương trình đảm bảo mức sinh thay thế đến năm 2030 tại tỉnh Tuyên Quang trên các loại hình báo chí, giúp nâng cao nhận thức của người dân về các nội dung công tác dân số và đảm bảo mức sinh thay thế.

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng chuyên mục, tin, bài, phóng sự về Chương trình đảm bảo mức sinh thay thế trên các ấn phẩm báo, phát thanh, truyền hình. Sản xuất và tăng thời lượng phát sóng các chương trình về dân số bằng tiếng dân tộc để truyền tải thông điệp đến bà con vùng sâu, vùng xa.

11. Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thu thập, tính toán, công bố số liệu tổng tỷ suất sinh hàng năm của tỉnh phục vụ cho việc đề xuất các giải pháp, can thiệp nhằm điều chỉnh mức sinh phù hợp, cung cấp cho các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát về nội dung kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; tích cực tham gia thực hiện mục tiêu đưa mức sinh của tỉnh từ mức cao về đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về dân số và phát triển, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc vào các phong trào, cuộc vận động do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội theo quy định; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về dân số; kịp thời phản ánh kiến nghị của Nhân dân với cơ quan có thẩm quyền.

- Tập trung chỉ đạo các địa bàn có mức sinh cao xây dựng mô hình truyền thông, vận động giảm sinh phù hợp với từng nhóm dân cư, dân tộc; phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong tuyên truyền thực hiện chính sách dân số.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, góp phần tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

13. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của thành viên Ban chỉ đạo Dân số và Phát triển cấp xã trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số tại địa phương.

- Đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2026-2030; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành các chính sách về hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con phù hợp theo tình hình thực tế tại địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chỉ đạo Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, tham mưu và phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; tổ chức các hoạt động

truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản; quản lý, khai thác dữ liệu dân số; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

(Biểu nhiệm vụ trọng tâm chi tiết tại phụ lục kèm theo)

14. Phối hợp thực hiện với các Chương trình mục tiêu quốc gia

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch này được phối hợp, lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan trên địa bàn tỉnh, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2030 theo Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, huy động, sử dụng nguồn lực, tổ chức thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo; đồng thời tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các chương trình, kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030. Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế tổng hợp) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh TQ;
- Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX (Thạch).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Ngọc Hà

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; đánh giá kết quả thực hiện và chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh	Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển tỉnh	Sở Y tế; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý III//2026
3	Tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung Kế hoạch, đưa chỉ tiêu về quy mô dân số, mức sinh vào Nghị Quyết, Chương trình, Kế hoạch hành động hằng năm	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành	Hàng năm
4	Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số; đề xuất chính sách hỗ trợ điều chỉnh mức sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành	2026-2030
5	Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối của địa phương	Sở Tài chính	Sở Y tế; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
6	Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác dân số phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp	Sở Nội vụ	Sở Y tế; UBND các xã, phường	2026-2027
7	Phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới; tuyên truyền phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống gắn với nâng cao chất lượng dân số	Sở Tư pháp	Sở Y tế; UBND các xã, phường	Hàng năm

8	Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chính sách dân số; phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong các chương trình, chính sách dân tộc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Y tế; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
9	Rà soát, nghiên cứu lồng ghép nhu cầu nhà ở của các cặp vợ chồng trẻ trong Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026-2030
10	Lồng ghép tuyên truyền về mức sinh thay thế, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; biểu dương gia đình sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Y tế; MTTQVN tỉnh; UBND các xã, phường	Hàng năm
11	Lồng ghép giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính và kỹ năng sống trong nhà trường; tổ chức truyền thông, ngoại khóa cho học sinh, sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; các cơ sở giáo dục	Hàng năm
12	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự; tăng thời lượng tuyên truyền về Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên các loại hình báo chí, phát thanh, truyền hình và nền tảng số	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	Sở Y tế	Hàng năm
13	Thu thập, tổng hợp, công bố số liệu tổng tỷ suất sinh; cung cấp thông tin phục vụ theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách dân số	Thống kê tỉnh	Sở Y tế; các cơ quan liên quan	Hàng năm
14	Tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện xã hội; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách dân số; nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các tổ chức chính trị - xã hội; Sở Y tế	Hàng năm

15	Mở rộng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; tăng cường cung cấp dịch vụ tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Y tế	UBND các xã, phường; các cơ sở y tế	Hàng năm
16	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, cộng tác viên dân số, giáo viên và cán bộ đoàn thể	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường	Hàng năm
17	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm